

## SỰ VẬN DỤNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN TRUNG THÀNH\*

**Tóm tắt:** Trong thời kỳ đổi mới, công tác bình đẳng giới được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm cả về nhận thức và hành động, từ chủ trương đến chính sách và pháp luật nhằm bảo đảm thực hiện bình đẳng giới. Bài viết trình bày một số nội dung cơ bản về bình đẳng giới theo tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới trong thời kỳ đổi mới.

**Từ khóa:** Bình đẳng giới; tư tưởng Hồ Chí Minh; thời kỳ đổi mới.

### Đặt vấn đề

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh không đề cập đến thuật ngữ “bình đẳng giới”, nhưng Người rất quan tâm đến công tác phụ nữ và có nhiều quan điểm về bình đẳng nam giới và nữ giới. Những quan điểm đó thể hiện một cách nhất quán và toàn diện, dần trở thành một tư tưởng mới trong tư tưởng của Người. Bài viết làm rõ một số nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới và góp phần đưa ra sự vận dụng của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

### 1. Một số nội dung cơ bản bình đẳng giới theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới là hệ thống các quan điểm nhân văn và yêu nước chân chính về sự đánh giá, nhìn nhận bình đẳng vị trí, vai trò, quyền và lợi ích của các giới trong đời sống xã hội; trong đó, nữ giới bình đẳng với nam giới trên mọi mặt.

Một là, nhìn nhận và đánh giá đúng đắn vị trí, vai trò và khả năng to lớn của phụ nữ

trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam

Hồ Chí Minh khẳng định phụ nữ là “phần nửa xã hội”. Phụ nữ là một lực lượng quan trọng trong quá trình phát triển xã hội, phát triển lực lượng sản xuất. Phụ nữ Việt Nam có những đức tính tốt đẹp như: cần cù trong lao động; anh hùng, bất khuất, giàu đức hy sinh trong đấu tranh chống ngoại xâm; đảm đang, thủy chung trong gia đình. Điều đó giúp hình thành một sức mạnh phi thường, một truyền thống quý báu của phụ nữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận xét:

“Phụ nữ ta chẳng tầm thường  
Đánh Đông dẹp Bắc, làm gương để đời”<sup>1</sup>.

Để làm rõ tính đi đầu của chị em phụ nữ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sử dụng câu tục ngữ “Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh” để tô điểm cho truyền thống tốt đẹp của phụ nữ Việt Nam. Người chỉ rõ: “Từ đầu thế kỷ thứ nhất, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa,

\* Trường sĩ quan chính trị, Bộ Quốc phòng.

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 3, tr.260.

đánh giặc, cứu dân cho đến ngày nay mỗi khi nước nhà gặp nguy nan, thì phụ nữ ta đều hăng hái đứng lên, góp phần xứng đáng của mình vào sự nghiệp giải phóng dân tộc”<sup>2</sup>. Nhận thức được vị trí, vai trò của phụ nữ Việt Nam, Hồ Chí Minh đề ra chủ trương, chỉ đạo đưa phụ nữ vào trận tuyến cách mạng, phục vụ đắc lực thực hiện nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định: “An Nam cách mệnh cũng phải có nữ giới tham gia mới thành công”<sup>3</sup>.

Tại lễ kỷ niệm lần thứ 20 ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, ngày 19 - 10 - 1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh tự hào về những thành tích của chị em phụ nữ Việt Nam và trao tặng danh hiệu “Phụ nữ Việt Nam dũng cảm đảm đang chống Mỹ cứu nước”. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong cuộc chống Mỹ, cứu nước hiện nay, các bà mẹ chiến sĩ đã khuyến khích con cháu mình vào bộ đội đánh giặc, cứu nước, còn ân cần nuôi nấng, giúp đỡ và bảo vệ cán bộ và chiến sĩ khác như con cháu mình”<sup>4</sup>. Người kể đến nhiều tấm gương tiêu biểu của phụ nữ Việt Nam như: Mẹ Suốt ở Quảng Bình, Mẹ Cán ở Sơn La, Mẹ Đích ở Thái Bình. Khi phát biểu về phụ nữ miền Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh đến “đội quân tóc dài” rất mưu trí và dũng cảm làm cho kẻ thù khiếp sợ và tuyên dương “Phó tư lệnh quân giải phóng là Cô Nguyễn Thị Định. Cả thế giới chỉ nước ta có vị tướng quân gái như vậy. Thật là vẻ vang cho miền Nam, cho cả dân tộc

ta”<sup>5</sup>. Từ những tấm gương tiêu biểu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi đến kết luận: “Như thế là từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già, phụ nữ Việt Nam ta thật là anh hùng”<sup>6</sup>.

Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến đóng góp của phụ nữ trong việc bảo đảm cho xã hội tồn tại và phát triển: “Nhân dân ta rất biết ơn các bà mẹ cả hai miền Nam Bắc đã sinh đẻ và nuôi dạy những thế hệ anh hùng của nước ta”<sup>7</sup>. Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò quan trọng của phụ nữ trong xây dựng, phát triển đất nước. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Phụ nữ ta tham gia ngày càng đông và càng đắc lực trong các ngành kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội”<sup>8</sup>.

Theo Hồ Chí Minh, phụ nữ không chỉ là khách thể của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, mà còn là một chủ thể tham gia vào cuộc cách mạng này: “Bây giờ toàn dân ta ai cũng muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải làm gì? Nhất định phải tăng gia sản xuất cho thật nhiều. Muốn sản xuất nhiều thì phải có nhiều sức lao động. Muốn có nhiều sức lao động thì phải giải phóng sức lao động của phụ nữ. Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”<sup>9</sup>.

*Hai là, nam nữ bình đẳng phải được ghi nhận về mặt pháp lý và được thực thi trên mọi mặt đời sống xã hội*

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.172.

<sup>3</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 2, tr.315.

<sup>4</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.172.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.173.

<sup>6</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.175.

<sup>7</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.172.

<sup>8</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.310.

<sup>9</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 12, tr.300.

Ngay từ năm 1930, Chính cương vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh soạn thảo, xác định về phương diện xã hội “Nam nữ bình quyền”<sup>10</sup>. Trong Chương trình Việt Minh (1941), Hồ Chí Minh xác định: “Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hoá, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông”<sup>11</sup>. Ngày 2 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh nhấn mạnh nam nữ có quyền bình đẳng về quyền lợi và chỉ rõ: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”<sup>12</sup>.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh chú ý đến việc Tổng tuyển cử và xây dựng Hiến pháp của nước Việt Nam độc lập. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trong cuộc Tổng tuyển cử, hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử. Không chia gái trai, giàu nghèo, tôn giáo, nòi giống, giai cấp, đảng phái, hễ là công dân Việt Nam thì đều có hai quyền đó”<sup>13</sup>.

Theo Sắc lệnh số 34-SL ngày 20 - 9 - 1945, Ủy ban dự thảo Hiến pháp do Chủ tịch Hồ Chí Minh làm trưởng ban soạn thảo Dự án Hiến pháp. Người chỉ rõ: “Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới

biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân”<sup>14</sup>.

*Ba là, thực hiện bình đẳng nam nữ là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị và bản thân phụ nữ*

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn theo dõi, chỉ đạo sát sao giúp phụ nữ tham gia vào mọi mặt đời sống xã hội. Người đặc biệt quan tâm phát triển Đảng cho chị em phụ nữ. Khi làm việc với các cấp ủy Đảng và đồng bào các địa phương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập đến số lượng cán bộ nữ. Người chỉ rõ: “một trong những tiến bộ rõ rệt nhất là phụ nữ ta hiện nay tham gia chính quyền ngày càng nhiều”<sup>15</sup>. “Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, hàng vạn phụ nữ đã trở thành cán bộ chuyên môn các ngành và cán bộ lãnh đạo, làm giám đốc và phó giám đốc các xí nghiệp, chủ nhiệm hợp tác xã nông nghiệp, chủ tịch ủy ban hành chính, bí thư chi bộ đảng, v.v...”<sup>16</sup>.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc thực hiện bình đẳng nam nữ là một vấn đề lớn và khó khăn. “Vì trọng trai khinh gái là một thói quen mấy nghìn năm để lại. Vì nó ăn sâu trong đầu óc của mọi người, mọi gia đình, mọi tầng lớp xã hội”<sup>17</sup>. Để thực hiện bình đẳng nam nữ một cách hiệu quả, Người yêu cầu: “Phải cách mạng từng người, từng gia đình, đến toàn dân. Dù to và khó nhưng nhất định thành công”<sup>18</sup>. Người còn

<sup>10</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 3, tr.1.

<sup>11</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 3, tr.631.

<sup>12</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 4, tr.1.

<sup>13</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 4, tr.153.

<sup>14</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 4, tr.491.

<sup>15</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 12, tr.639.

<sup>16</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 15, tr.173.

<sup>17</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 7, tr.342.

<sup>18</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđđ*, tập 7, tr.342.

nhấn mạnh: “Phụ nữ là một lực lượng lao động rất quan trọng. Các cấp lãnh đạo phải quan tâm hơn nữa về công tác phụ nữ và chú ý hơn nữa đào tạo cán bộ, phát triển đảng viên và đoàn viên phụ nữ”<sup>19</sup>.

Ngoài việc quan tâm đến sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chú ý đến việc chị em phụ nữ phải tự mình học tập và rèn luyện, nâng cao kiến thức, trình độ nhận thức, khắc phục các tư tưởng lạc hậu, bảo thủ, vươn lên địa vị làm chủ nước nhà, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước có quyền bầu cử và ứng cử”<sup>20</sup>. “Phụ nữ phải nâng cao tinh thần làm chủ, cố gắng học tập và phấn đấu; phải xóa bỏ tư tưởng bảo thủ, tự ti; phải phát triển chí khí tự cường, tự lập”<sup>21</sup>.

## 2. Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam về bình đẳng giới trong thời kỳ đổi mới

Quan triết chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng giới vào điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra nhiều chủ trương về bảo vệ, phát huy quyền bình đẳng giới nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Từ năm 1986 đến năm 2000, quan điểm, chủ trương bình đẳng giới được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội VI (12 - 1986), Đại hội VII (6 - 1991), Đại hội VIII (6 - 1996), và các văn

kiện chuyên đề về công tác phụ nữ như: Nghị quyết số 04-NQ/TW “Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới” của Bộ Chính trị (12 - 7 - 1993), Chỉ thị số 37-CT/TW “Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới” của Ban Bí thư (16 - 5 - 1994). Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4 - 2001) lần đầu tiên Đảng đưa ra thuật ngữ “bình đẳng giới”. Nghị quyết Đại hội IX xác định: “Đối với phụ nữ, thực hiện tốt pháp luật và chính sách bình đẳng giới, bồi dưỡng, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao học vấn”<sup>22</sup>. Đại hội X của Đảng (4 - 2006) nhấn mạnh: tiếp tục nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện bình đẳng giới.

Tiếp tục phát triển các chủ trương về bình đẳng giới, ngày 27 - 4 - 2007, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11-NQ/TW “Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, nêu rõ: “Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt, có trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiến bộ nhất của khu vực”<sup>23</sup>.

<sup>19</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 14, tr.231.  
<sup>20</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 4, tr.41.  
<sup>21</sup> Hồ Chí Minh (2011), *Sđd*, tập 14, tr.313.

<sup>22</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.126.

<sup>23</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Đảng toàn tập*,

Nhằm bổ sung, hoàn chỉnh chủ trương của Đảng về bình đẳng giới, Đại hội XI của Đảng (1 - 2011) thống nhất quan điểm: Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn bán phụ nữ và bạo lực trong gia đình. Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Đại hội XII của Đảng (1 - 2016) xác định: Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, chế độ thai sản, nghỉ dưỡng, khám, chữa bệnh, bình đẳng giới.

Thực hiện chủ trương của Đảng về bình đẳng giới, ngày 29 - 11 - 2006, Quốc hội khóa XI thông qua Luật số 73/2006/QH11 "Luật bình đẳng giới", xác định mục đích bình đẳng giới là "xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam, nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình"<sup>24</sup>. Luật giải thích "bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó"<sup>25</sup>.

Ngày 24 - 12 - 2010, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 2351/QĐ-TTg "Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020".

Ngày 8 - 12 - 2013, Chủ tịch nước ký Lệnh số 18/2013/L-CTN "Về việc công bố Hiến pháp". Điều 26 Hiến pháp 2013 quy định: "Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới"; "Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới"<sup>26</sup>. Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, thuật ngữ "bình đẳng giới" chính thức được đưa vào đạo luật cơ bản nhất trong hệ thống pháp luật của quốc gia, thay thế quan điểm tiếp cận cũ về bình đẳng giới (nhấn mạnh sự phân biệt đối xử với phụ nữ) trong Hiến pháp 1992, tạo điều kiện thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam lên một bước mới, có tính cân bằng, thực chất và hiệu quả.

Qua 35 năm đổi mới đất nước (1986 - 2020), công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bình đẳng giới được triển khai rộng khắp từ Trung ương đến địa phương bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng; đã thu hẹp khoảng cách giới trong việc làm, tiền lương. Tuy nhiên, bình đẳng giới, bảo vệ phụ nữ có nơi còn nhiều bất cập, chưa quan tâm đúng mức đến các đối tượng yếu thế trong xã hội. Điều đó đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam cần đề ra chủ trương phát triển các dịch vụ hỗ trợ thực hiện bình đẳng giới; đồng thời, coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp

Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 66, tr.236.

<sup>24</sup> Quốc hội (2007), "Luật số 73/2006/QH11 Luật bình đẳng giới", *Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (340 + 341), ngày 10 - 6, tr.17597 - 17598.

<sup>25</sup> Quốc hội (2007), *Tlđđ*, tr.17598.

<sup>26</sup> *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2018), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.21.

trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới.

### Kết luận

Nhờ những quan điểm đúng đắn về bình đẳng giới của Chủ tịch Hồ Chí Minh, lần đầu tiên trong lịch sử, phụ nữ Việt Nam được pháp luật thừa nhận, thừa hưởng và bảo đảm có những quyền bình đẳng với nam giới trên tất cả các lĩnh vực, bảo đảm quyền con người trên thực tế. Điều đó thể hiện tầm nhìn chính trị sắc sảo và giá trị nhân văn sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ những quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về bình đẳng nam nữ, trong giai đoạn đổi mới đất nước hiện nay, Đảng

Cộng sản Việt Nam luôn nhận thức đúng đắn, đầy đủ về giới tính, về tư duy xác định giới tính, về các giới yếu thế trong xã hội, về vấn đề bình đẳng giới; đồng thời kế thừa kết quả đạt được từ Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011 - 2020; đổi mới, hoàn thiện trong hệ thống pháp luật; khắc phục tư tưởng tự ti, e ngại, xấu hổ, tạo ra sự tự tin và năng động bảo đảm sự tích cực và chủ động của các giới trong việc bảo vệ, phát huy hiệu quả bình đẳng giới. Từ đó xây dựng và hoàn thiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong giai đoạn mới sau 2020 bền vững, hiệu quả, thực tiễn và nhân văn. ■

### Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, tập 66, Hà Nội.
3. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (2018), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập: 2, 3, 4, 7, 12, 14, 15.
5. Quốc hội (2007), “Luật số 73/2006/QH11 Luật bình đẳng giới”, Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (340 + 341), ngày 10 - 6, tr. 17597- 17611.
6. Thủ tướng Chính phủ (2011), “Quyết định số 2351/QĐ-TTg Phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020”, Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (29 + 30), ngày 9 - 1, tr.96 - 108.